HƯỚNG DẪN LAB
LAB 5b – Access List #2

Designed by : Nguyễn Phú Thịnh

Sơ đồ LAB :

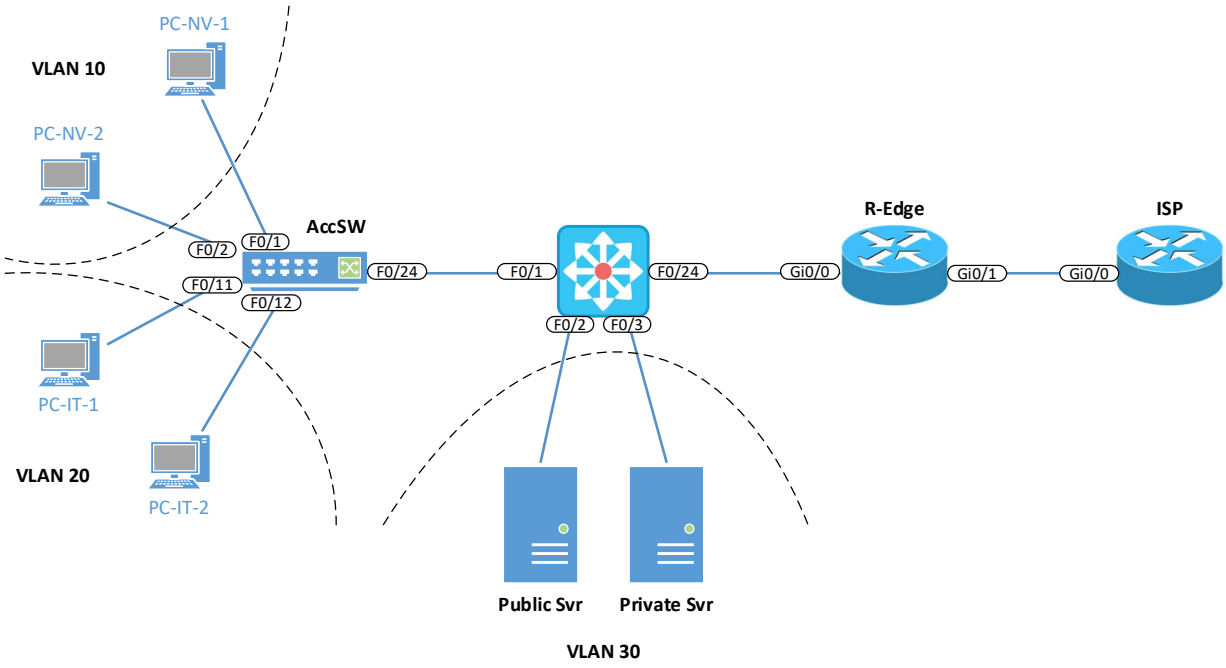

Thiết bị

Tên thiết bị	Chủng loại
PC-NV-1	PC Generic
PC-NV-2	PC Generic
PC-IT-1	PC Generic
PC-IT-1	PC Generic
Public-Srv	Server Generic
Private-Srv	Server Generic
AccSW	Switch 2960
CoreSW	Switch 3560
R-Edge	Router 2911
ISP	Router 2911

Yêu cầu

- Đấu nối và đặt tên thiết bị như sơ đồ
- Trên **AccSW** và **CoreSW**, tạo VLAN như sau :
  - VLAN 10 : name NhanVien
  - VLAN 20 : name IT
  - VLAN 30 : name Server
  - VLAN 100 : name Mgmt
- Gán port vào VLAN như sau :
  - **AccSW** :
    - VLAN 10 : port F0/1 – F0/10
    - VLAN 20 : port F0/11 – F0/20
  - **CoreSW** :
    - VLAN 30 : port F0/2 – 3
- Cấu hình **trunk** cho link nối giữa hai switch
- Đặt IP như sau :

Thiết bị	Port	IP
PC-1	F0	DHCP
PC-2	F0	DHCP
PC-3	F0	DHCP
PC-4	F0	DHCP
PublicSrv	F0	192.168.30.2/24
PrivateSrv	F0	192.168.30.3/24
AccSW	Vlan 100	192.168.100.2

CoreSW	Vlan 10	192.168.10.1/24
	Vlan 20	192.168.20.2/24
	Vlan 30	192.168.30.1/24
	Vlan 100	192.168.100.1/24
	F0/24	10.0.0.2/30
R-Edge	Gi0/0	10.0.0.1/30
	Gi0/1	200.0.0.2/30
ISP	Gi0/0	20.0.0.1/30
	Loopback0	8.8.8.8/32
	Loopback1	35.76.123.45/32
	Loopback2	78.13.47.231/32

- Cấu hình **CoreSW** làm **DHCP Server** cho **VLAN 10** và **VLAN 20**
- Cấu hình **định tuyến** để các subnet thông được với nhau
- Cấu hình **default route và NAT** trên **R-Edge** để các PC có thể truy cập Internet
  Học viên tự cấu hình default route
  Cấu hình NAT trên R-Edge như sau :

```
access-list 1 permit any
ip nat inside source list 1 interface Gi0/1 overload
interface Gi0/1
   ip nat outside
interface Gi0/0
   ip nat inside
```

- Cấu hình telnet cho **AccSW**, **CoreSW** và **R-Edge**, thỏa mãn các yêu cầu sau :
  - Xác thực bằng password : **Newstar@123**
  - Enable secret : **Newstar@123**
- Cấu hình **access list** trên **CoreSW** đảm bảo các yêu cầu sau :
  - Chặn ping từ tất cả IP đến **hai server**
  - Tất cả PC đều có thể truy cập vào **Public-Srv**
  - Tất cả PC đều có thể truy cập web vào **Private-Srv**
  - Chỉ có PC trong **vlan 20 (IT)** mới có thể toàn quyền truy cập vào **Private-Srv**
  - Chỉ có PC trong **vlan 20 (IT)** mới có thể **telnet** vào thiết bị, và
    - Với **AccSW** và **CoreSW**, chỉ có thể telnet vào IP trong **VLAN 100.**
    - Với **R-Edge**, chỉ có thể telnet vào **IP private** của router.
  - Chặn các PC và server truy cập đến **loopback 2** của **ISP**
  - Các PC và server vẫn truy cập được đến các địa chỉ còn lại của ISP

Các bước thực hiện

Bước 1 : đấu nối và đặt tên thiết bị như sơ đồ

Bước 2 : Tạo VLAN

AccSW

```
AccSW(config)#vlan 10
AccSW(config-vlan)#name NhanVien
AccSW(config-vlan)#exit
AccSW(config)#vlan 20
AccSW(config-vlan)#name IT
AccSW(config-vlan)#exit
AccSW(config)#vlan 100
AccSW(config-vlan)#name Mgmt
AccSW(config-vlan)#exit
```

Kiểm tra :

```
AccSW#show vlan brief

VLAN Name                              Status    Ports
---- --------------------------------- --------- -------------------------------
1    default                           active    Fa0/1, Fa0/2, Fa0/3, Fa0/4
                                                 Fa0/5, Fa0/6, Fa0/7, Fa0/8
                                                 Fa0/9, Fa0/10, Fa0/11, Fa0/12
                                                 Fa0/13, Fa0/14, Fa0/15, Fa0/16
                                                 Fa0/17, Fa0/18, Fa0/19, Fa0/20
                                                 Fa0/21, Fa0/22, Fa0/23, Fa0/24
                                                 Gig0/1, Gig0/2
10   NhanVien                          active
20   IT                                active
100  Mgmt                              active
1002 fddi-default                      active
1003 token-ring-default                active
1004 fddinet-default                   active
1005 trnet-default                     active
```

CoreSW

```
CoreSW(config)#vlan 10
CoreSW(config-vlan)#name NhanVien
CoreSW(config-vlan)#exit
CoreSW(config)#vlan 20
CoreSW(config-vlan)#name IT
CoreSW(config-vlan)#exit
CoreSW(config)#vlan 30
CoreSW(config-vlan)#name Server
CoreSW(config-vlan)#exit
CoreSW(config)#vlan 100
CoreSW(config-vlan)#name Mgmt
CoreSW(config-vlan)#exit
```

Kiểm tra :

```
CoreSW#show vlan brief

VLAN Name                              Status    Ports
---- --------------------------------- --------- -------------------------------
```

```
1    default                          active    Fa0/1, Fa0/2, Fa0/3, Fa0/4
                                                Fa0/5, Fa0/6, Fa0/7, Fa0/8
                                                Fa0/9, Fa0/10, Fa0/11, Fa0/12
                                                Fa0/13, Fa0/14, Fa0/15, Fa0/16
                                                Fa0/17, Fa0/18, Fa0/19, Fa0/20
                                                Fa0/21, Fa0/22, Fa0/23, Fa0/24
                                                Gig0/1, Gig0/2
10   NhanVien                         active
20   IT                               active
30   Server                           active
100  Mgmt                             active
1002 fddi-default                     active
1003 token-ring-default               active
1004 fddinet-default                  active
1005 trnet-default                    active
```

Bước 3 : Gán port vào VLAN

AccSW

```
AccSW(config)#interface range F0/1-10
AccSW(config-if-range)#switchport mode access
AccSW(config-if-range)#switchport access vlan 10
AccSW(config-if-range)#exit
AccSW(config)#interface range F0/11-20
AccSW(config-if-range)#switchport mode access
AccSW(config-if-range)#switchport access vlan 20
```

Kiểm tra :

```
AccSW#show vlan brief

VLAN Name                             Status    Ports
---- -------------------------------- --------- -------------------------------
1    default                          active    Fa0/21, Fa0/22, Fa0/23, Fa0/24
                                                Gig0/1, Gig0/2
10   NhanVien                         active    Fa0/1, Fa0/2, Fa0/3, Fa0/4
                                                Fa0/5, Fa0/6, Fa0/7, Fa0/8
                                                Fa0/9, Fa0/10
20   IT                               active    Fa0/11, Fa0/12, Fa0/13, Fa0/14
                                                Fa0/15, Fa0/16, Fa0/17, Fa0/18
                                                Fa0/19, Fa0/20
100  Mgmt                             active
1002 fddi-default                     active
1003 token-ring-default               active
1004 fddinet-default                  active
1005 trnet-default                    active
```

CoreSW

```
CoreSW(config)#interface range F0/2-3
CoreSW(config-if-range)#switchport mode access
CoreSW(config-if-range)#switchport access vlan 30
```

Kiểm tra :

```
CoreSW#show vlan brief

VLAN Name                             Status    Ports
---- -------------------------------- --------- -------------------------------
```

```
1    default                          active    Fa0/1, Fa0/4, Fa0/5, Fa0/6
                                                Fa0/7, Fa0/8, Fa0/9, Fa0/10
                                                Fa0/11, Fa0/12, Fa0/13, Fa0/14
                                                Fa0/15, Fa0/16, Fa0/17, Fa0/18
                                                Fa0/19, Fa0/20, Fa0/21, Fa0/22
                                                Fa0/23, Fa0/24, Gig0/1, Gig0/2
10   NhanVien                         active
20   IT                               active
30   Server                           active    Fa0/2, Fa0/3
100  Mgmt                             active
1002 fddi-default                     active
1003 token-ring-default               active
1004 fddinet-default                  active
1005 trnet-default                    active
```

Bước 4 : Cấu hình trunk

AccSW

```
AccSW(config)#interface F0/24
AccSW(config-if)#switchport mode trunk
```

Kiểm tra :

```
AccSW#show interfaces trunk
Port        Mode         Encapsulation  Status        Native vlan
Fa0/24      on           802.1q         trunking      1

Port        Vlans allowed on trunk
Fa0/24      1-1005

Port        Vlans allowed and active in management domain
Fa0/24      1,10,20,100

Port        Vlans in spanning tree forwarding state and not pruned
Fa0/24      1,10,20,100
```

CoreSW

```
CoreSW(config)#interface F0/1
CoreSW(config-if)#switchport trunk encapsulation dot1q
CoreSW(config-if)#switchport mode trunk
```

Kiểm tra :

```
CoreSW#show interfaces trunk
Port        Mode         Encapsulation  Status        Native vlan
Fa0/1       on           802.1q         trunking      1

Port        Vlans allowed on trunk
Fa0/1       1-1005

Port        Vlans allowed and active in management domain
Fa0/1       1,10,20,30,100

Port        Vlans in spanning tree forwarding state and not pruned
Fa0/1       none
```

Bước 5 : Đặt IP cho thiết bị

AccSW

```
AccSW(config)#interface vlan 100
AccSW(config-if)#ip address 192.168.100.2 255.255.255.0
AccSW(config-if)#no shut
```

Kiểm tra :

```
AccSW#show ip interface brief
Interface              IP-Address      OK? Method Status                Protocol
FastEthernet0/1        unassigned      YES manual up                    up
FastEthernet0/2        unassigned      YES manual up                    up
FastEthernet0/3        unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/4        unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/5        unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/6        unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/7        unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/8        unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/9        unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/10       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/11       unassigned      YES manual up                    up
FastEthernet0/12       unassigned      YES manual up                    up
FastEthernet0/13       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/14       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/15       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/16       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/17       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/18       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/19       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/20       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/21       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/22       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/23       unassigned      YES manual down                  down
FastEthernet0/24       unassigned      YES manual up                    up
GigabitEthernet0/1     unassigned      YES manual down                  down
GigabitEthernet0/2     unassigned      YES manual down                  down
Vlan1                  unassigned      YES manual administratively down down
Vlan100                192.168.100.2   YES manual up                    up
```

CoreSW

```
CoreSW(config)#interface vlan 10
CoreSW(config-if)#ip address 192.168.10.1 255.255.255.0
CoreSW(config-if)#no shut
CoreSW(config-if)#exit
CoreSW(config)#interface vlan 20
CoreSW(config-if)#ip address 192.168.20.1 255.255.255.0
CoreSW(config-if)#no shut
CoreSW(config-if)#exit
CoreSW(config)#interface vlan 30
CoreSW(config-if)#ip address 192.168.30.1 255.255.255.0
CoreSW(config-if)#no shut
CoreSW(config-if)#exit
CoreSW(config)#interface vlan 100
CoreSW(config-if)#ip address 192.168.100.1 255.255.255.0
CoreSW(config-if)#no shut
CoreSW(config-if)#exit
CoreSW(config)#interface F0/24
CoreSW(config-if)#no switchport
```

```
CoreSW(config-if)#ip address 10.0.0.2 255.255.255.252
```

Kiểm tra :

```
CoreSW#show ip interface brief
Interface              IP-Address      OK? Method Status                Protocol
FastEthernet0/1        unassigned      YES unset  up                    up
FastEthernet0/2        unassigned      YES unset  up                    up
FastEthernet0/3        unassigned      YES unset  up                    up
FastEthernet0/4        unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/5        unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/6        unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/7        unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/8        unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/9        unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/10       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/11       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/12       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/13       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/14       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/15       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/16       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/17       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/18       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/19       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/20       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/21       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/22       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/23       unassigned      YES unset  down                  down
FastEthernet0/24       10.0.0.2        YES manual down                  down
GigabitEthernet0/1     unassigned      YES unset  down                  down
GigabitEthernet0/2     unassigned      YES unset  down                  down
Vlan1                  unassigned      YES unset  administratively down down
Vlan10                 192.168.10.1    YES manual up                    up
Vlan20                 192.168.20.1     YES manual up                    up
Vlan30                 192.168.30.1    YES manual up                    up
Vlan100                192.168.100.1   YES manual up                    up
```

R-Edge

```
R-Edge(config)#interface Gi0/0
R-Edge(config-if)#ip address 10.0.0.1 255.255.255.252
R-Edge(config-if)#no shut
R-Edge(config-if)#exit
R-Edge(config)#interface Gi0/1
R-Edge(config-if)#ip add 200.0.0.2 255.255.255.252
R-Edge(config-if)#no shut
```

Kiểm tra :

```
R-Edge#show ip interface brief
Interface              IP-Address      OK? Method Status                Protocol
GigabitEthernet0/0     10.0.0.1        YES manual up                    up
GigabitEthernet0/1     200.0.0.2       YES manual up                    down
GigabitEthernet0/2     unassigned      YES unset  administratively down down
Vlan1                  unassigned      YES unset  administratively down down
```

ISP

```
ISP(config)#interface Gi0/0
ISP(config-if)#ip add 200.0.0.1 255.255.255.252
ISP(config-if)#no shut
```

```
ISP(config-if)#exit
ISP(config)#interface loopback 0
ISP(config-if)#ip add 8.8.8.8 255.255.255.255
ISP(config-if)#exit
ISP(config)#interface loopback 1
ISP(config-if)#ip address 35.76.123.45 255.255.255.255
ISP(config-if)#exit
ISP(config)#interface loopback 2
ISP(config-if)#ip address 78.13.47.231 255.255.255.255
ISP(config-if)#exit
```

Kiểm tra :

```
ISP#show ip interface brief
Interface              IP-Address      OK? Method Status                Protocol
GigabitEthernet0/0     200.0.0.1       YES manual up                    up
GigabitEthernet0/1     unassigned      YES unset  administratively down down
GigabitEthernet0/2     unassigned      YES unset  administratively down down
Loopback0              8.8.8.8         YES manual up                    up
Loopback1              35.76.123.45    YES manual up                    up
Loopback2              78.13.47.231    YES manual up                    up
Vlan1                  unassigned      YES unset  administratively down down
```

Đặt IP cho **Public-Srv**

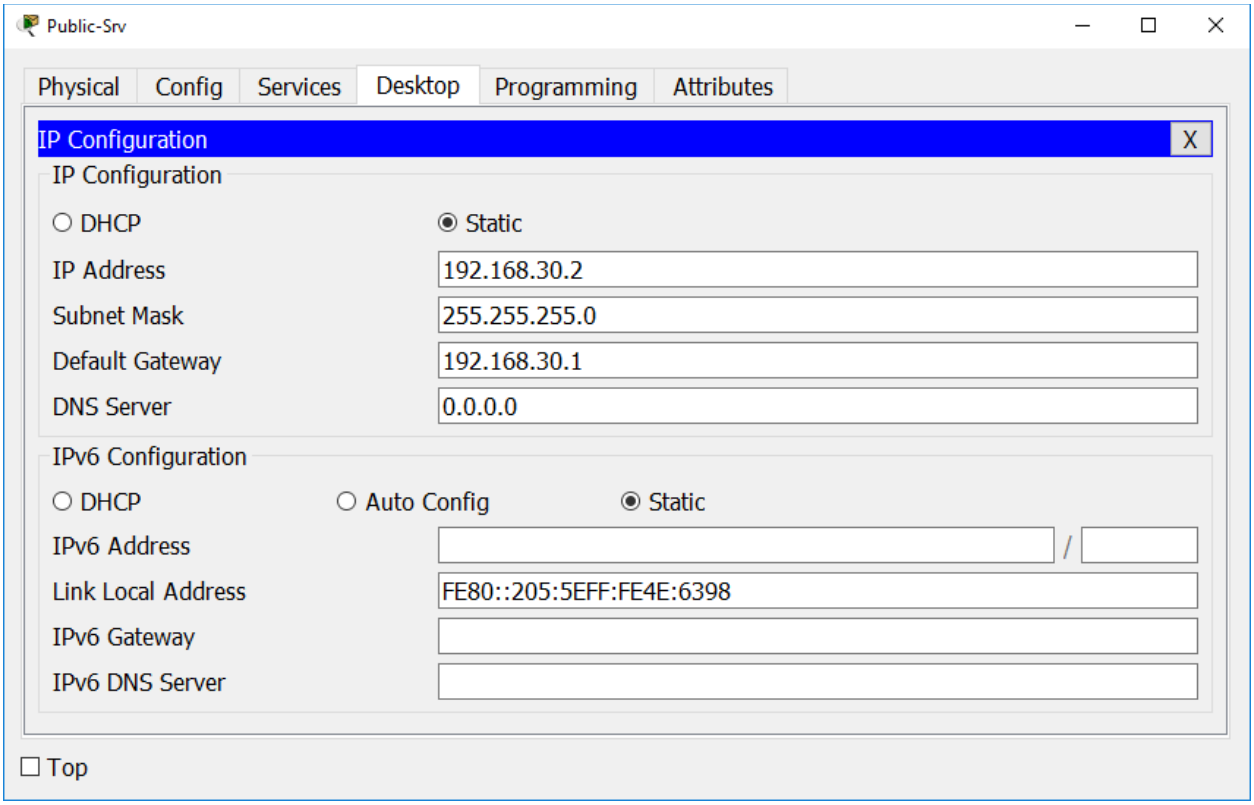

Đặt IP cho **Private-Srv**

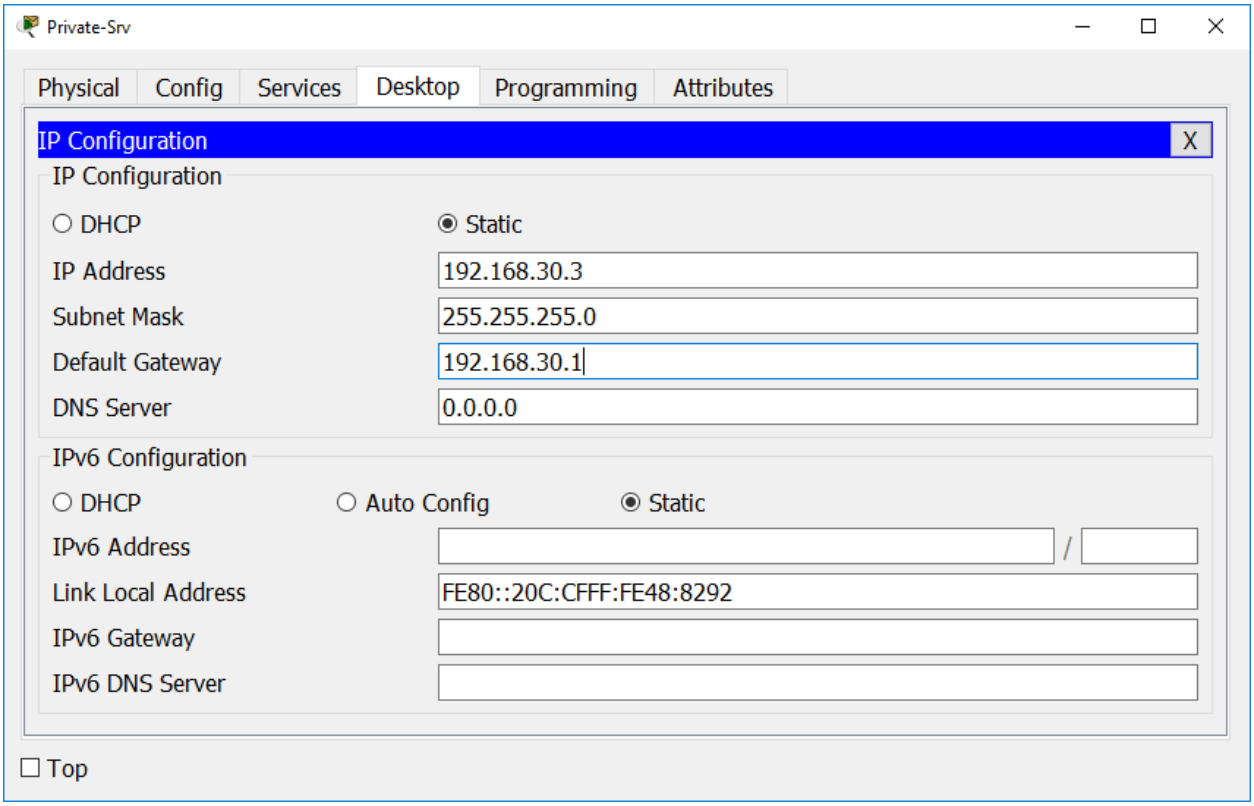

Bước 6 : cấu hình DHCP trên CoreSW

CoreSW

```
CoreSW(config)#ip dhcp pool VLAN-10
CoreSW(dhcp-config)#network 192.168.10.0 255.255.255.0
CoreSW(dhcp-config)#default-router 192.168.10.1
CoreSW(dhcp-config)#exit
CoreSW(config)#ip dhcp pool VLAN-20
CoreSW(dhcp-config)#network 192.168.20.0 255.255.255.0
CoreSW(dhcp-config)#default-router 192.168.20.1
CoreSW(dhcp-config)#exit
CoreSW(config)#ip dhcp excluded-address 192.168.10.1
CoreSW(config)#ip dhcp excluded-address 192.168.20.1
```

Cho các PC nhận IP bằng DHCP

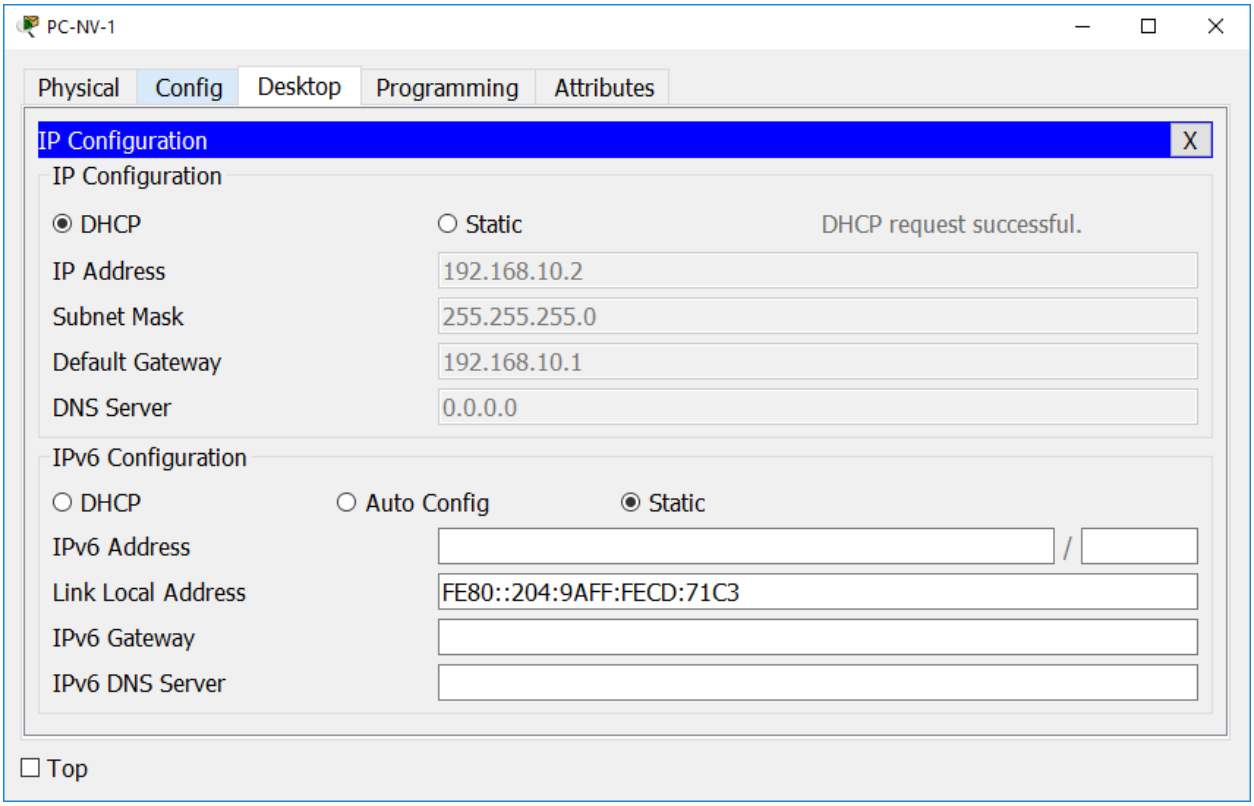
PC-NV-1
Physical
Config
Desktop
Programming
Attributes
IP Configuration
X
IP Configuration
DHCP
Static
DHCP request successful.
IP Address
192.168.10.2
Subnet Mask
255.255.255.0
Default Gateway
192.168.10.1
DNS Server
0.0.0.0
IPv6 Configuration
DHCP
Auto Config
Static
IPv6 Address
/
Link Local Address
FE80::204:9AFF:FECD:71C3
IPv6 Gateway
IPv6 DNS Server
Top

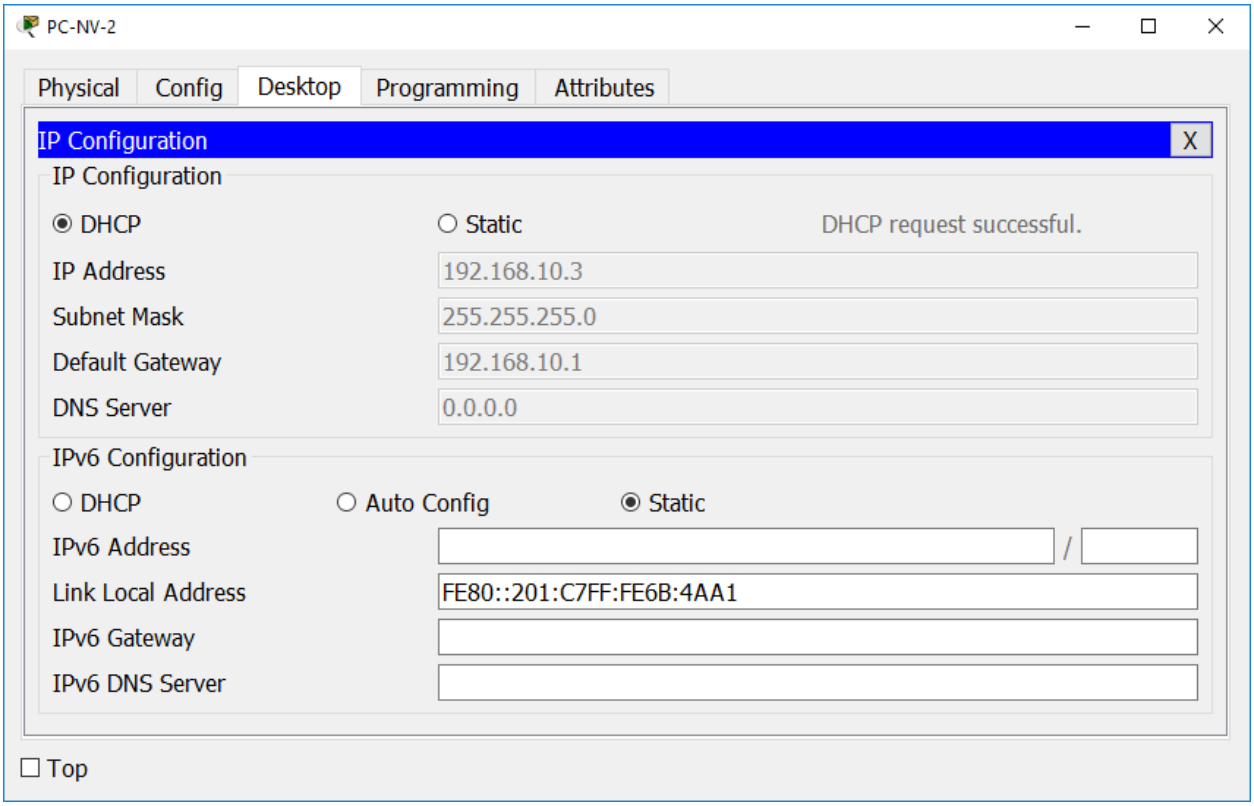
PC-NV-2
Physical
Config
Desktop
Programming
Attributes
IP Configuration
X
IP Configuration
DHCP
Static
DHCP request successful.
IP Address
192.168.10.3
Subnet Mask
255.255.255.0
Default Gateway
192.168.10.1
DNS Server
0.0.0.0
IPv6 Configuration
DHCP
Auto Config
Static
IPv6 Address
/
Link Local Address
FE80::201:C7FF:FE6B:4AA1
IPv6 Gateway
IPv6 DNS Server
Top

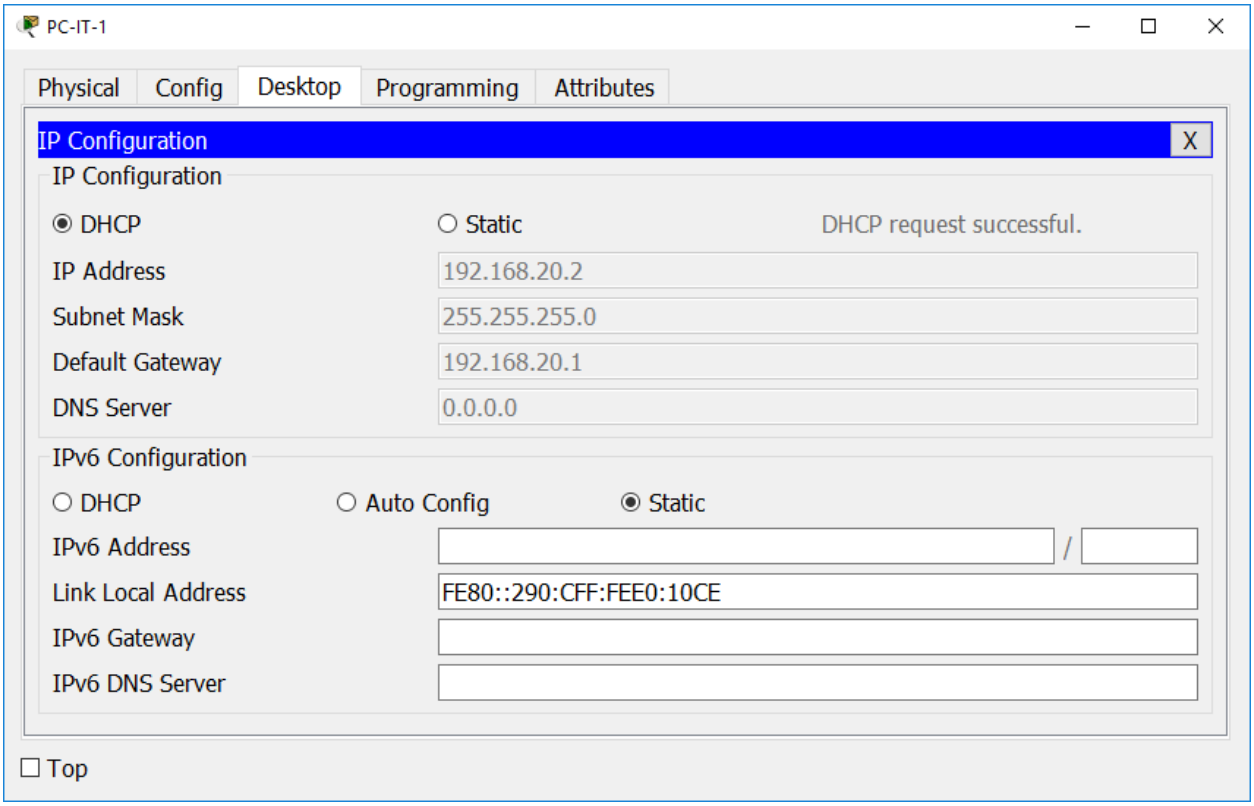
PC-IT-1
Physical
Config
Desktop
Programming
Attributes
IP Configuration
X
IP Configuration
DHCP
Static
DHCP request successful.
IP Address
192.168.20.2
Subnet Mask
255.255.255.0
Default Gateway
192.168.20.1
DNS Server
0.0.0.0
IPv6 Configuration
DHCP
Auto Config
Static
IPv6 Address
/
Link Local Address
FE80::290:CFF:FEE0:10CE
IPv6 Gateway
IPv6 DNS Server
Top

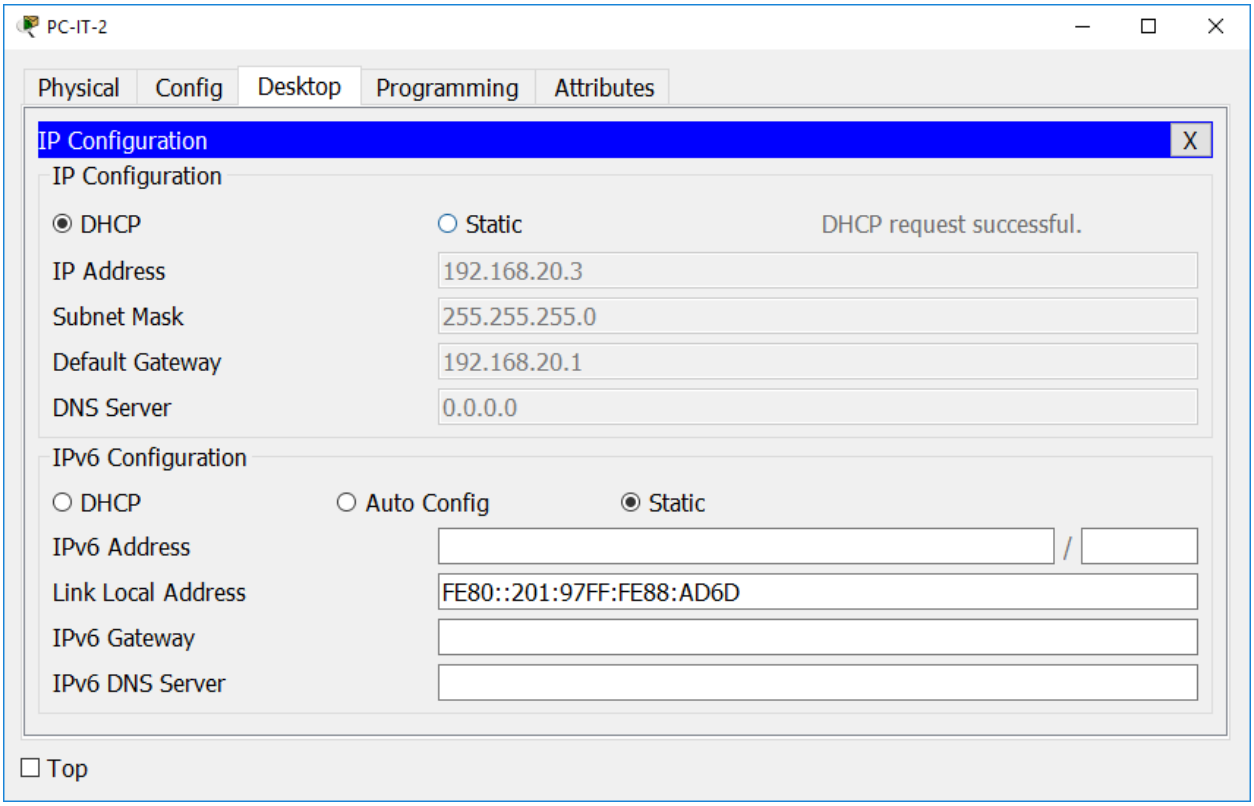
PC-IT-2
Physical
Config
Desktop
Programming
Attributes
IP Configuration
X
IP Configuration
DHCP
Static
DHCP request successful.
IP Address
192.168.20.3
Subnet Mask
255.255.255.0
Default Gateway
192.168.20.1
DNS Server
0.0.0.0
IPv6 Configuration
DHCP
Auto Config
Static
IPv6 Address
/
Link Local Address
FE80::201:97FF:FE88:AD6D
IPv6 Gateway
IPv6 DNS Server
Top

Bước 7 : Cấu hình định tuyến để các subnet thông nhau

CoreSW

```
CoreSW(config)#ip routing
CoreSW(config)#ip route 0.0.0.0 0.0.0.0 10.0.0.1
```

Kiểm tra :

```
CoreSW#show ip route
Codes: C - connected, S - static, I - IGRP, R - RIP, M - mobile, B - BGP
       D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
       N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2
       E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
       i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter area
       * - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
       P - periodic downloaded static route

Gateway of last resort is 10.0.0.1 to network 0.0.0.0

     10.0.0.0/30 is subnetted, 1 subnets
C       10.0.0.0 is directly connected, FastEthernet0/24
C    192.168.10.0/24 is directly connected, Vlan10
C    192.168.20.0/24 is directly connected, Vlan20
C    192.168.30.0/24 is directly connected, Vlan30
C    192.168.100.0/24 is directly connected, Vlan100
S*   0.0.0.0/0 [1/0] via 10.0.0.1
```

R-Edge

```
R-Edge(config)#ip route 192.168.0.0 255.255.0.0 10.0.0.2
```

Kiểm tra :

```
R-Edge#show ip route
Codes: L - local, C - connected, S - static, R - RIP, M - mobile, B - BGP
       D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
       N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2
       E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
       i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter area
       * - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
       P - periodic downloaded static route

Gateway of last resort is not set

     10.0.0.0/8 is variably subnetted, 2 subnets, 2 masks
C       10.0.0.0/30 is directly connected, GigabitEthernet0/0
L       10.0.0.1/32 is directly connected, GigabitEthernet0/0
S    192.168.0.0/16 [1/0] via 10.0.0.2
     200.0.0.0/24 is variably subnetted, 2 subnets, 2 masks
C       200.0.0.0/30 is directly connected, GigabitEthernet0/1
L       200.0.0.2/32 is directly connected, GigabitEthernet0/1
```

Bước 8 : Cấu hình default route và NAT trên R-Edge

R-Edge

```
R-Edge(config)#ip route 0.0.0.0 0.0.0.0 200.0.0.1
R-Edge(config)#
```

```
R-Edge(config)#access-list 1 permit any
R-Edge(config)#ip nat inside source list 1 interface Gi0/1 overload
R-Edge(config)#interface Gi0/1
R-Edge(config-if)#ip nat outside
R-Edge(config-if)#exit
R-Edge(config)#interface Gi0/0
R-Edge(config-if)#ip nat inside
```

Kiểm tra :

```
R-Edge#show ip route
Codes: L - local, C - connected, S - static, R - RIP, M - mobile, B - BGP
       D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
       N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2
       E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
       i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter area
       * - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
       P - periodic downloaded static route

Gateway of last resort is 200.0.0.1 to network 0.0.0.0

     10.0.0.0/8 is variably subnetted, 2 subnets, 2 masks
C       10.0.0.0/30 is directly connected, GigabitEthernet0/0
L       10.0.0.1/32 is directly connected, GigabitEthernet0/0
S    192.168.0.0/16 [1/0] via 10.0.0.2
     200.0.0.0/24 is variably subnetted, 2 subnets, 2 masks
C       200.0.0.0/30 is directly connected, GigabitEthernet0/1
L       200.0.0.2/32 is directly connected, GigabitEthernet0/1
S*   0.0.0.0/0 [1/0] via 200.0.0.1

R-Edge#ping
Protocol [ip]:
Target IP address: 8.8.8.8
Repeat count [5]:
Datagram size [100]:
Timeout in seconds [2]:
Extended commands [n]: y
Source address or interface: GigabitEthernet0/0
Type of service [0]:
Set DF bit in IP header? [no]:
Validate reply data? [no]:
Data pattern [0xABCD]:
Loose, Strict, Record, Timestamp, Verbose[none]:
Sweep range of sizes [n]:
Type escape sequence to abort.
Sending 5, 100-byte ICMP Echos to 8.8.8.8, timeout is 2 seconds:
Packet sent with a source address of 10.0.0.1
.!!!!
Success rate is 80 percent (4/5), round-trip min/avg/max = 0/0/0 ms
```

Lúc này, các PC và Server có thể truy cập Internet

PC-NV-1

Physical | Config | Desktop | Programming | Attributes

Command Prompt

```
Packet Tracer PC Command Line 1.0
C:\>ping 8.8.8.8

Pinging 8.8.8.8 with 32 bytes of data:

Request timed out.
Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=12ms TTL=253
Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=12ms TTL=253
Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=12ms TTL=253

Ping statistics for 8.8.8.8:
    Packets: Sent = 4, Received = 3, Lost = 1 (25% loss),
Approximate round trip times in milli-seconds:
    Minimum = 12ms, Maximum = 12ms, Average = 12ms

C:\>
```

Top

PC-IT-1

Physical | Config | Desktop | Programming | Attributes

Command Prompt

```
Packet Tracer PC Command Line 1.0
C:\>ping 8.8.8.8

Pinging 8.8.8.8 with 32 bytes of data:

Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=1ms TTL=253
Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=1ms TTL=253
Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time=1ms TTL=253
Reply from 8.8.8.8: bytes=32 time<1ms TTL=253

Ping statistics for 8.8.8.8:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
Approximate round trip times in milli-seconds:
    Minimum = 0ms, Maximum = 1ms, Average = 0ms

C:\>
```

Top

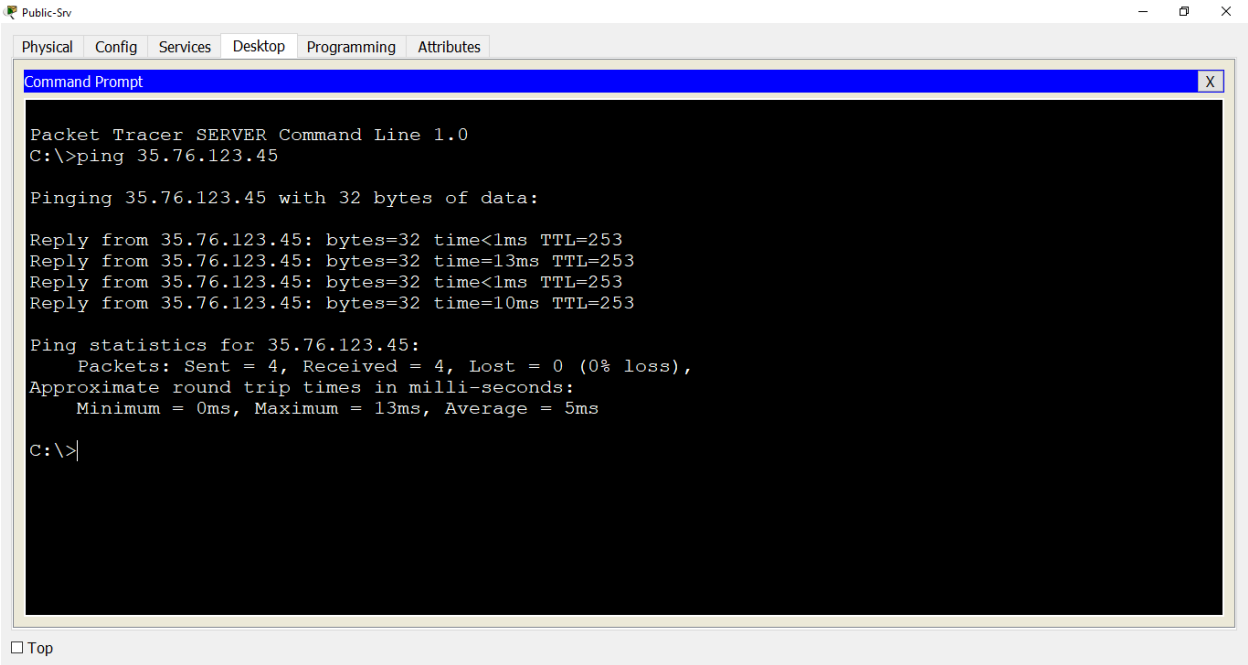

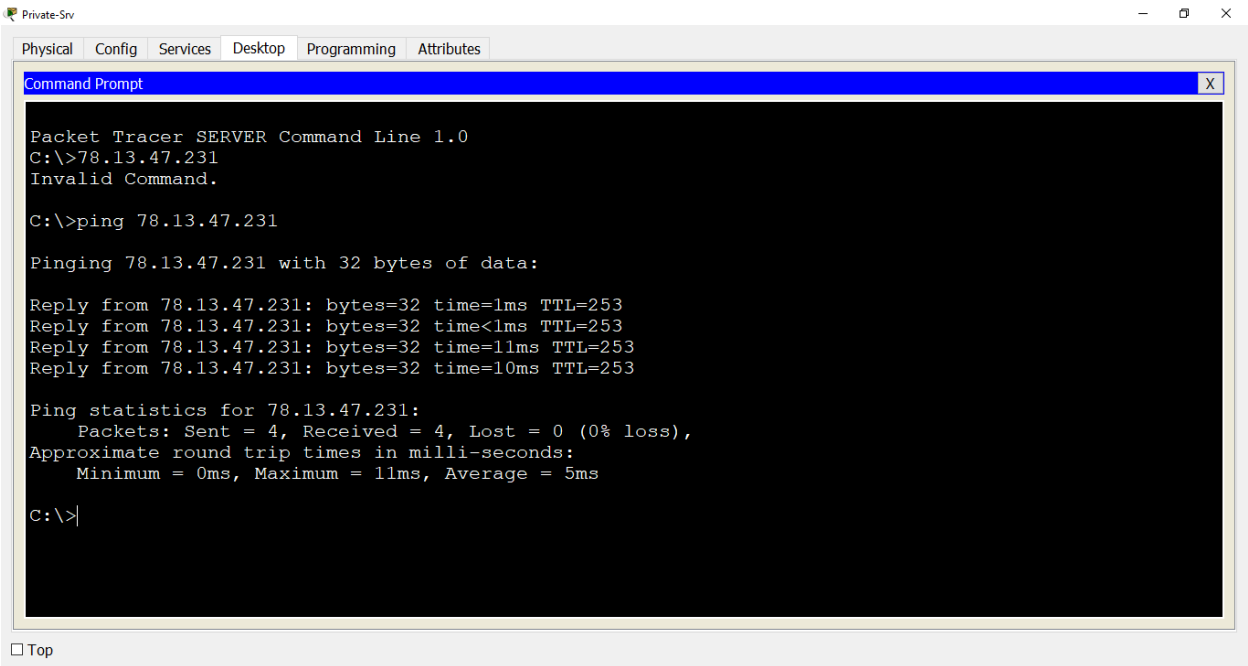

Bước 9 : Cấu hình telnet

AccSW
AccSW(config)#**enable secret Newstar@123** AccSW(config)#**line vty 0 4** AccSW(config-line)#**password Newstar@123** AccSW(config-line)#**login**

CoreSW

```
CoreSW(config)#enable secret Newstar@123
CoreSW (config)#line vty 0 4
CoreSW (config-line)#password Newstar@123
CoreSW (config-line)#login
```

R-Edge

```
R-Edge(config)#enable secret Newstar@123
R-Edge (config)#line vty 0 4
R-Edge (config-line)#password Newstar@123
R-Edge (config-line)#login
```